DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: 3391 ***/QĐ - VPCNCLQG ngày*** *05* ***tháng 11 năm 2026 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia/of BoA Director)***

Tên phòng thí nghiệm:	**Phòng thí nghiệm Vũng Áng**
Laboratory:	***Vung Ang laboratory***
Tổ chức /Cơ quan chủ quản:	**Công ty SGS Việt Nam TNHH**
Organization:	***SGS Vietnam Ltd***
Số hiệu/ *Code:*	**VILAS 237**
Chuẩn mực công nhận *Accreditation criteria*	**ISO/IEC 17025:2017**
Lĩnh vực:	**Hóa**
Field:	***Chemical***
Người quản lý:	**Hoàng Việt Phương**
Laboratory manager:	***Hoang Viet Phuong***
Hiệu lực công nhận *Period of Validation:*	**Kể từ ngày** *05* **/11/2026 đến ngày 27/08/2031**
Địa chỉ: *Address*:	**Lô CN 4-13, Khu công nghiệp Vũng Áng 1, Phường Vũng Áng, Tỉnh Hà Tĩnh** ***Lot CN 4-13, Vung Ang 1 Industrial zone, Vung Ang ward, Ha Tinh province***
Địa điểm: *Location:*	**Lô CN 4-13, Khu công nghiệp Vũng Áng 1, Phường Vũng Áng, Tỉnh Hà Tĩnh** ***Lot CN 4-13, Vung Ang 1 Industrial zone, Vung Ang ward, Ha Tinh province***
Điện thoại/ *Tel*:	**0976 10 07 80**
Email:	**Phuong.hoang@sgs.com**
Website:	

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 237

Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa

Field of testing: Chemical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể/ *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử/ *Test method*
1.	**Than** ***Coal***	Xác định hàm lượng ẩm toàn phần Phương pháp khối lượng *Determination of total moisture content* *Gravimetric method*		ASTM D3302/D3302M-22a
2.		Xác định hàm lượng ẩm toàn phần. Phương pháp khối lượng (Phương pháp 1 bước) *Determination of total moisture content* *Gravimetric method (Single stage method)*	(1,4 ~ 15)%	ASTM D2961/D2961M-19
3.	**Than đá** ***Hard coal***	Xác định hàm lượng ẩm toàn phần Phương pháp khối lượng (Phương pháp A1, A2, B2) *Determination of total moisture content* *Gravimetric method (Method A1, A2, B2)*		TCVN 172:2019 ISO 589:2008
4.	**Cốc** ***Coke***	Xác định hàm lượng ẩm toàn phần Phương pháp khối lượng *Determination of total moisture content* *Gravimetric method*		ISO 579:2013
5.	**Than và cốc** ***Coal and coke***	Xác định hàm lượng tro *Determination of ash content*		TCVN 173:2011 ISO 1171:2024 ASTM D3174-12(2018)e01
6.		Xác định hàm lượng chất bốc Phương pháp khối lượng *Determination of volatile matter content* *Gravimetric method*		TCVN 174:2011 ISO 562:2024 ASTM D3175-26
7.		Xác định hàm lượng carbon cố định *Determination of fixed carbon*		TCVN 9813:2013 ASTM D3172-13(2021)e1 ISO 17246:2024

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể/ *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử/ *Test method*
8.	**Than và cốc** ***Coal and coke***	Xác định hàm lượng lưu huỳnh tổng. Phương pháp dùng lò nhiệt độ cao kết hợp với đầu dò hồng ngoại *Determination of total sulfur content. Method using high temperature tube furnace combustion together with infrared absorption detector*	0,056 %	TCVN 8622:2010 ISO 19579:2006 ASTM D4239-26
9.		Xác định giá trị toả nhiệt toàn phần Phương pháp bom đo nhiệt lượng *Determination of gross calorific value Bomb calorimetric method*	(3585 ~ 8360) cal/g	TCVN 200:2011 ISO 1928:2025 ASTM D5865/D5865M-19
10.	**Than đá** ***Hard coal***	Xác định hàm lượng ẩm trong mẫu thử phân tích chung bằng cách làm khô trong Nitơ *Determination of moisture in the general analysis test sample by drying in nitrogen*		TCVN 11152:2015 ISO 11722:2013
11.	**Cốc** ***Coke***	Xác định hàm lượng ẩm trong mẫu thử phân tích chung *Determination of moisture in the general analysis*		ISO 687:2024
12.	**Than và cốc** ***Coal and coke***	Xác định hàm lượng ẩm trong mẫu phân tích *Determination of moisture in the analysis sample*		ASTM D3173/D3173M-25

Chú thích/*Note:*

- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam/*Vietnam National Standard.*
- ISO: Tổ chức tiêu chuẩn quốc tế/*International Organization for Standardization*.
- ASTM: Hiệp hội Thí nghiệm và Vật liệu Hoa Kỳ/*American Society for Testing and Materials*.

Trường hợp Công ty SGS Việt Nam TNHH cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty SGS Việt Nam TNHH phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for SGS Vietnam Ltd that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*